

Số: 87/2024/QĐST-HNGĐ

Phù Cù, ngày 20 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ vào các điều 212, 213; khoản 4 Điều 397; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 97/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận việc nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Doãn Xuân T**, sinh năm 1982;

- Chị **Dương Thị T1**, sinh năm 1980;

Đều có cùng địa chỉ: thôn Đ, xã Đ1, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: anh Doãn Xuân T và chị Dương Thị T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện P, tỉnh Hưng Yên vào ngày 29/5/2014 theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T1 là hợp pháp. Ngay sau khi tổ chức lễ cưới vợ chồng về chung sống cùng với bố mẹ anh T. Vợ chồng anh T và chị T1 chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 05 năm, đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không chịu khó làm ăn, chơi bời và có quan hệ ngoài luồng với người khác; từ đó trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng lời qua tiếng lại với nhau, đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, cuộc sống ngày càng căng thẳng, lạnh nhạt, không tìm được tiếng nói chung. Từ đầu năm 2020 cho đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người ở một nơi, không ai còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do

đó, anh T và chị T1 đều thống nhất thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận. Xét việc thuận tình ly hôn này là sự tự nguyện của anh T và chị T1, nên cần được chấp nhận.

[2]. Về con chung: anh Doãn Xuân T và chị Dương Thị T1 đều khẳng định vợ chồng có 01 con chung là cháu Doãn Gia K, sinh ngày 13/10/2015. Nay ly hôn, anh T và chị T1 thống nhất thỏa thuận theo nguyện vọng của con chung, cụ thể là: giao cháu Doãn Gia K cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Doãn Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị T1 và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung: anh Doãn Xuân T và chị Dương Thị T1 đều xác định không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4]. Về lệ phí Tòa án: anh Doãn Xuân T và chị Dương Thị T1 thống nhất thỏa thuận: anh T tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật, xét đây là sự thỏa thuận của các bên đương sự nên cần được chấp nhận.

[5]. Ngày 12/11/2024, Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên đã tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ nhưng không thành. Anh T và chị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu thuận tình ly hôn và thỏa thuận giải quyết toàn bộ việc dân sự.

[6]. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12/11/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Doãn Xuân T và chị Dương Thị T1 tự nguyện thỏa thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: anh Doãn Xuân T và chị Dương Thị T1 đều khẳng định vợ chồng có 01 con chung là cháu Doãn Gia K, sinh ngày 13/10/2015. Nay ly hôn, anh T và chị T1 thống nhất thỏa thuận theo nguyện vọng của con chung, cụ thể là: giao cháu Doãn Gia K cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Doãn Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị T1 và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: anh Doãn Xuân T và chị Dương Thị T1 đều xác định không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: anh Doãn Xuân T và chị Dương Thị T1 thỏa thuận: anh T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ, (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, được đối trừ vào khoản tiền anh T đã nộp tạm ứng lệ phí là 300.000đ, (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001297 ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên. Anh Doãn Xuân T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên (phòng KTNV);
- VKSND huyện Phù Cừ;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Phù Cừ;
- UBND xã Đ1, P;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Đình Hiền